Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội Mẫu số B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2007

_o0o_

1 - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 - Hình thức vốn chủ sở hữu: Vốn cổ phần

1.2 - Lĩnh vực kinh doanh : Cho thuê Văn phòng & khu siêu thị; Vận tải đường thủy, đường bộ; Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa; Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển; Bốc xếp hàng hóa & container; Xây dựng công trình giao thông; Đại lý hàng hải; Khai thác Cảng & kinh doanh bãi Container; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Khai thuê Hải quan.

1.3 - Tổng số công nhân viên : 262 người; Trong đó:

Nhân viên quản lý: 148

1.4 - Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm báo cáo.

2 - CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

2.1 - Niên độ kế toán : - Bắt đầu: 01/01/2007

- Kết thúc: 31/12/2007

2.2 - Đơn vị sử dụng tiền tệ trong kế toán : Đồng Việt Nam (ĐVN)

2.3 - Hình thức sổ kế toán áp dụng : Nhật ký chung

2.4 - Phương pháp kế toán tài sản cố định:

* Phương pháp khấu hao: đường thẳng

Tỉ lệ khấu hao theo QĐ 206/20003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003

* Nguyên tắc đánh giá tài sản :

Theo quy định Nhà nước

2.5 - Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

* Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

* Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

2.6 - Tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng:

Trong kỳ không phát sinh

Quý 3 năm 2007

3.1 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Yếu tố chi phí	Số tiền
Chi phí nguyên vật liệu	10.752.050.683
Chi phí nhân công	3.926.447.264
Khấu hao tài sản cố định	7.052.554.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.404.794.833
Chi phí khác bằng tiền	9.091.856.884
Tổng cộng	**47.227.704.582**

Quý 3 năm 2007

3.3 Tình hình thu nhập của công nhân viên

CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Thực hiện	
		Kỳ này	Kỳ trước
1. Tổng quỹ lương		3.048.720.084	2.578.224.028
2. Tiền thưởng			
3. Tổng thu nhập		3.048.720.084	2.578.224.028
4. Tiền lương bình quân		3.849.394	3.230.857
5. Thu nhập bình quân		3.849.394	3.230.857
Lao động bình quân		264	266

Lý do tăng, giảm: trong Quý 3/2007 Công ty chi thưởng 2/9 nên cao hơn Quý 2/2007

Quý 3 năm 2007

3.4 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
I. NGUỒN VỐN KINH DOANH	**93.878.960.000**	**-**	**-**	**93.878.960.000**
- Nguồn vốn kinh doanh	93.878.960.000	-		93.878.960.000
II. CÁC QUỸ	**8.298.400.805**	**-**	**-**	**8.298.400.805**
- Quỹ phát triển kinh doanh	3.626.370.170		-	3.626.370.170
- Quỹ dự trữ	4.672.030.635			4.672.030.635
IV. QUỸ KHÁC	**2.758.699.112**	**-**	**626.335.000**	**2.132.364.112**
- Quỹ phúc lợi / Khen thưởng /HĐQT	2.758.699.112		626.335.000	2.132.364.112
Tổng cộng	**104.936.059.917**	**-**	**626.335.000**	**104.309.724.917**

Lý do tăng, giảm:

- Quỹ Phúc lợi/Khen thưởng/HĐQT giảm do chi thưởng Cán bộ có thành tích xuất sắc và chi tiền nghỉ mát, thăm hỏi …

Quý 3 năm 2007

3.5 Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư vào đơn vị khác:

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Kết quả đầu tư
I. Đầu tư ngắn hạn	**0**			**4.000.000.000**	
1. Đầu tư chứng khoán				0	
2. Đầu tư ngắn hạn khác		4.000.000.000		4.000.000.000	
II. Đầu tư dài hạn	**42.873.382.314**	**2.500.000.000**	**3.500.000.000**	**41.873.382.314**	
1. Đầu tư chứng khoán	70.000.000	2.500.000.000		2.570.000.000	
2. Đầu tư vào liên doanh	32.146.726.105			32.146.726.105	
3. Đầu tư dài hạn khác	10.656.656.209		3.500.000.000	7.156.656.209	

Tổng cộng	**42.873.382.314**	**2.500.000.000**	**3.500.000.000**	**45.873.382.314**	

Lý do tăng, giảm:
- Đầu tư ngắn hạn tăng 4,000,000,000 đây là số tiền gửi có kỳ hạn
- Đầu tư dài hạn tăng 2,500,000,000: góp vốn vào Cty CP Hải Minh
- Đầu tư dài hạn giảm 3,500,000,000: Chuyển nhượng CP của Cty Bảo hiểm Nông nghiệp, lãi 5,250,000,000

3.6 Các khoản phải thu và nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Quá hạn đầu kỳ	Cuối kỳ	Quá hạn cuối kỳ	Số tranh chấp
1 - CÁC KHOẢN PHẢI THU	**57.699.658.311**		**64.106.280.031**		
- Phải thu từ khách hàng	44.047.654.112		45.179.152.077		
- Trả trước cho người bán	2.883.573.950		6.937.985.837		
- Cho vay					
- Phải thu tạm ứng	1.448.662.400		2.037.266.211		
- Phải thu nội bộ					
- Phải thu khác	9.319.767.849		9.951.875.906		
2 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ	**90.547.469.148**		**143.334.736.083**		
2.1 - Nợ dài hạn	47.331.082.082		102.720.517.020		
- Vay dài hạn	23.609.937.480		78.175.495.080		
- vay dài hạn khác					
- Phải trả khác	23.721.144.602		24.545.021.940		
2.2 - Nợ ngắn hạn	43.216.387.066		40.614.219.063		
- vay ngắn hạn	8.412.641.468		6.381.056.768		
- Phải trả cho người bán	25.333.586.729		22.186.497.372		
- Người mua trả trước	402.607.250		3.541.384.085		
- Doanh thu nhận trước					
- Phải trả công nhân viên	2.270.344.275		2.042.633.865		
- Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	1.846.707.328		4.848.793.269		
- Phải trả nội bộ					
- Phải trả khác	4.950.500.016		1.613.853.704		

Trong đó:
- Số phải thu bằng ngoại tệ (quy ra USD) : 1.094.949,09 USD
- Số phải trả bằng ngoại tệ (quy ra USD) : 4.980.048,09 USD
- Lý do tranh chấp, mất khả năng thanh toán:

Quý 3 năm 2007

4.Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ này	Kỳ trước
1. BỐ TRÍ CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			

- Tài sản cố định & đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	%	**65,24**	**58,01**
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	**34,76**	**41,99**
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	**51,61**	**44,63**
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	**48,39**	**55,37**
2. KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	**6,42**	**4,72**
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	**2,23**	**1,98**
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	**1,84**	**1,59**
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần		
3. TỶ SUẤT LỢI NHUẬN			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	**37,73**	**8,53**
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	**33,99**	**6,34**
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	**9,99**	**3,05**
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	**9,00**	**2,27**
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	**18,59**	**4,10**
3.4 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	**27,31**	**4,93**

Hà nội, ngày 20 tháng 10 năm 2007

Người lập biểu	**Keá toaùn tröôû**	**Giaùm Ñoác**
NGUYEÃN THÒ NGOÏC TUÙ	**DAØNG DUY AN**	**NGUYEÃN QUOÁC DUÕNG**